

CƠ CHẾ THỰC THI CAM KẾT VỀ THƯƠNG MẠI VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TRONG CÁC HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO THẾ HỆ MỚI CỦA VIỆT NAM TRONG BỐI CẢNH TRIỂN KHAI NGHỊ QUYẾT SỐ 59-NQ/TW VÀ NGHỊ QUYẾT SỐ 66-NQ/TW

Ngô Trọng Quân*
Trần Đức Mạnh**

Tóm tắt: Trong bối cảnh Việt Nam tham gia các hiệp định thương mại tự do (FTA) thế hệ mới, thực thi hiệu quả các cam kết về thương mại và phát triển bền vững trở thành yếu tố quyết định bảo đảm hội nhập sâu rộng và bền vững. Các cam kết này được triển khai thông qua ba cơ chế chủ yếu là hợp tác, giám sát và giải quyết tranh chấp, với nhiều điểm cải tiến về thiết kế, tính minh bạch, các bên tham gia và chế tài. Bài viết này phân tích đặc điểm và cách thức vận hành các cơ chế nêu trên và đối chiếu với thực tiễn triển khai trong khuôn khổ các FTA thế hệ mới của Việt Nam. Trên cơ sở của Nghị quyết số 59-NQ/TW và Nghị quyết số 66-NQ/TW, bài viết đề xuất một số định hướng tăng cường vận dụng các cơ chế này để tối ưu hiệu quả thực thi.

Từ khóa: Cơ chế thực thi, hợp tác, giám sát, giải quyết tranh chấp, Nghị quyết số 59-NQ/TW, Nghị quyết số 66-NQ/TW.

Abstract: In the context of Viet Nam's participation in new-generation free trade agreements (FTAs), the effective implementation of commitments on trade and sustainable development has become a decisive factor for ensuring deep and sustainable international integration. These commitments are operationalised through three principal mechanisms—cooperation, monitoring, and dispute settlement—with multiple innovations in institutional design, transparency, stakeholder participation, and enforcement modalities. This article analyses the features and operation of these mechanisms and compares them with implementation practice under Viet Nam's new-generation FTAs. Building on the orientations reflected in Politburo Resolution No 59-NQ/TW and Resolution No 66-NQ/TW, it proposes directions for strengthening the use of these mechanisms so as to optimise implementation effectiveness.

Keywords: Implementation mechanisms; cooperation; monitoring/oversight; dispute settlement; Resolution No 59-NQ/TW; Resolution No 66-NQ/TW.

1. Đặt vấn đề

Trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, bên cạnh các mục tiêu tự do hóa thương mại, các mục tiêu phát triển bền vững, đặc

biệt là bảo vệ môi trường và duy trì tiêu chuẩn lao động, đang nhận được sự quan tâm sâu sắc của nhiều quốc gia trên thế giới¹. Trong bối cảnh các đàm phán thương

* NCS.ThS., Khoa Pháp luật quốc tế, Trường Đại học Luật Hà Nội.

** Trường Đại học Luật Hà Nội.

¹ Cheon Kee Lee, Jukwan Lee, Hyeri Park, Yoo-Duk Kang, *Linkages of Trade, Environment and Labour*

mại đa phương tại WTO không có nhiều tiến triển cũng như cơ chế thực thi trong khuôn khổ các công ước quốc tế về môi trường và lao động không thực sự hiệu quả, các FTA trở thành một khuôn khổ pháp lý thay thế quan trọng thúc đẩy việc tuân thủ các tiêu chuẩn về phát triển bền vững, cụ thể là môi trường và lao động². Mặc dù các FTA thế hệ mới đã bắt đầu tích hợp nhiều cam kết về thương mại và phát triển bền vững, khả năng thực thi các cam kết này trên thực tế còn gặp phải nhiều nghi ngại và thách thức, xuất phát từ tính phức tạp của các tiêu chuẩn phi thương mại vốn đòi hỏi cao hơn so với tiêu chuẩn tự do hóa thương mại³. Để hỗ trợ việc thực thi các cam kết này một cách hiệu quả, một số FTA thế hệ mới dẫn đầu bởi Hoa Kỳ và Liên minh châu Âu (EU) đã nâng cấp và xây dựng các cơ chế thực thi đa dạng, đa chiều, từ khuyến khích, thúc đẩy thông qua cơ chế hợp tác, giám sát, cho đến áp dụng các biện pháp mang tính chất ràng buộc như trừng phạt thương mại⁴.

Tại Việt Nam, thực tiễn ký kết các FTA thế hệ mới phản ánh rõ nét quyết tâm phát triển hoạt động thương mại và đầu tư theo định hướng bền vững khi Chính phủ đã mạnh dạn tham gia các cam kết về môi

trường và lao động⁵. Tính đến tháng 8/2025, trong số 17 FTA mà Việt Nam là thành viên, có bốn FTA chứa cam kết riêng về thương mại và phát triển bền vững (Trade and Sustainable Development - TSD), cụ thể là Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh Kinh tế Á-Âu (VN-EAEU FTA) năm 2016, Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) năm 2018, Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu (EVFTA) năm 2020, và Hiệp định Thương mại Tự do giữa Việt Nam và Vương quốc Anh và Bắc Ireland (UKVFTA) năm 2021⁶. Trong đó, CPTPP và EVFTA là những FTA có phạm vi cam kết rộng và mức độ cam kết cao nhất của Việt Nam từ trước tới nay, đồng thời đánh dấu việc các cơ chế thực thi cam kết về thương mại và phát triển bền vững được xây dựng một cách toàn diện⁷.

Bài viết này phân tích các đặc điểm chung của cơ chế thực thi cam kết TSD trong các FTA thế hệ mới, qua đó, đối chiếu với các FTA mà Việt Nam là thành viên. Trên cơ sở đánh giá những thành tựu đạt được cũng như những thách thức còn tồn tại, bài viết đưa ra các khuyến nghị nhằm nâng cao hiệu quả vận dụng các cơ chế này và cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra

in FTAs: Trends and Prospects, World Economy Brief, N° 16, 2021, p. 1.

² Gracia Marín Durán, *Sustainable development chapters in EU free trade agreements: Emerging compliance issues*, Common Market Law Review, N° 4, 2020, p. 1.

³ Gracia Marín Durán, *Sustainable development chapters in EU free trade agreements: Emerging compliance issues*, tldd, p. 2.

⁴ Katerina Hradilová, Ondrej Svoboda, *Sustainable Development Chapters in the EU Free Trade Agreements: Searching for Effectiveness*, Journal of World Trade, 52, 2018, p. 1019-1042.

⁵ Nguyễn Thị Lan Hương, *The inclusion of sustainable development into new-generation FTAs – what can be expected in reserving Nations' rights to regulate*, Tạp chí Khoa học pháp lý Việt Nam, số 2, năm 2022, tr. 76.

⁶ Chương 12 về Phát triển bền vững của Hiệp định VN-EAEU FTA, Chương 19 về Lao động và Chương 20 về Môi trường của Hiệp định CPTPP, Chương 13 về Thương mại và Phát triển bền vững của Hiệp định EVFTA, Chương 13 về Thương mại và Phát triển bền vững của Hiệp định UKVFTA.

⁷ Xem thêm tại: <https://trungtamwto.vn/fta/199-viet-nam---eu-evfta/1>, truy cập ngày 19/8/2025.

bởi Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24/1/2025 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới (Nghị quyết 59-NQ/TW) và Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới (Nghị quyết 66-NQ/TW).

2. Khái quát về cơ chế thực thi cam kết về thương mại và phát triển bền vững trong các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới

Phát triển bền vững được hiểu là các mục tiêu hướng đến tạo ra sự cân bằng lâu dài giữa tăng trưởng kinh tế, bảo vệ môi trường và thúc đẩy tiến bộ xã hội⁸. FTA thế hệ mới, với phạm vi cam kết sâu rộng và toàn diện, vượt ra khỏi khuôn khổ tự do hóa thương mại của các FTA truyền thống, là công cụ pháp lý quan trọng để hiện thực hóa chính sách phát triển bền vững⁹. Các FTA thế hệ mới khẳng định rằng việc thúc đẩy thương mại và thu hút đầu tư không được làm suy giảm tiêu chuẩn về lao động và môi trường trong pháp luật nội địa¹⁰. Khuôn khổ pháp lý điều chỉnh quan hệ giữa thương mại và phát triển bền vững được thiết lập dựa trên hai loại điều khoản chính trong FTA, bao gồm điều khoản về nội dung và điều

khoản về cơ chế thi hành¹¹. Điều khoản về nội dung đặt ra những tiêu chuẩn, yêu cầu về nội luật hóa trong các lĩnh vực như đa dạng sinh học, biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên rừng, tiêu chuẩn lao động cốt lõi. Trong khi đó, điều khoản về cơ chế thi hành không điều chỉnh các cam kết về luật nội dung mà quy định các thiết chế, quy trình, thủ tục liên quan đến quá trình thực thi cam kết. Cơ chế này được xây dựng với những đặc trưng riêng so với cơ chế thực thi các điều khoản về thương mại, đầu tư đơn thuần trong FTA truyền thống (được phân tích trong mục 2.1), và thể hiện thông qua hai nhóm cơ chế với hai vai trò độc lập bao gồm hỗ trợ, giám sát thực hiện nghĩa vụ và giải quyết tranh chấp khi có hành vi vi phạm nghĩa vụ (được phân tích trong mục 2.2)¹².

2.1. Đặc trưng của cơ chế thực thi cam kết về thương mại và phát triển bền vững

Xuất phát từ những mục tiêu rộng hơn so với tự do hóa thương mại thuần túy, cơ chế thực thi các điều khoản TSD được thiết kế với những đặc trưng riêng biệt, bảo đảm tính phù hợp trong việc thực thi các cam kết phi thương mại¹³.

Thứ nhất, về triết lý thi hành, cơ chế thực thi trong lĩnh vực TSD chú trọng hợp tác, đối thoại dựa trên tinh thần thiện chí

⁸ Elena Mezentseva, Malika Baysaeva, Nurulla Fayzullaev, *The impact of sustainable development on economic growth: balancing environmental, social and economic factors*, Reliability: Theory & Applications, N° 19, 2024, p. 1271.

⁹ Emily Hush, *Where no man has gone before: the future of sustainable development in the comprehensive economic and trade agreement and new generation free trade agreements*, Columbia Journal of Environmental Law, N° 1, 2018, pp. 96-97.

¹⁰ Gracia Marín Durán, *Sustainable development chapters in EU free trade agreements: Emerging compliance issues*, tldđ, p. 3.

¹¹ Bộ Ngoại giao Thụy Điển, *Implementation and enforcement of sustainable development provisions in free trade agreements – options for improvement*, 2016, pp. 5-13.

¹² Bộ Ngoại giao Thụy Điển, *Implementation and enforcement of sustainable development provisions in free trade agreements – options for improvement*, tldđ, pp. 5-13.

¹³ Bộ Ngoại giao Thụy Điển, *Implementation and enforcement of sustainable development provisions in free trade agreements – options for improvement*, tldđ, p. 13.

giữa các quốc gia thành viên¹⁴. Các cơ chế này đặt ưu tiên hàng đầu vào hợp tác kỹ thuật, đối thoại chính sách, xây dựng năng lực thực thi và nâng cao nhận thức của người dân, doanh nghiệp. Mục tiêu chính là hỗ trợ các bên giải quyết tốt các vấn đề về lao động và môi trường. Ngay cả trong các mô hình FTA vốn ưa chuộng trừng phạt thương mại (*trade sanctions*) như của Hoa Kỳ hay Canada, hợp tác và đối thoại vẫn được xác định là trọng tâm trong cơ chế thi hành các điều khoản TSD.

Thứ hai, về chế tài áp dụng, hai mô hình FTA dẫn đầu bởi Hoa Kỳ và EU thể hiện hai cách tiếp cận khác nhau khi có hành vi vi phạm cam kết xảy ra¹⁵. Một mặt, cả hai mô hình đều thống nhất tạo điều kiện tối đa cho các bên tiến hành các biện pháp thiện chí như tham vấn, thương lượng, hòa giải, với sự can thiệp của bên thứ ba khi các bên có đề nghị. Mặt khác, khi thương lượng thiện chí không đạt được kết quả, các FTA của EU không áp dụng các biện pháp trừng phạt thương mại để thúc đẩy việc thực hiện nghĩa vụ, trong khi các FTA của Hoa Kỳ lại cho phép quốc gia khiếu kiện được quyền sử dụng các biện pháp trừng phạt như yêu cầu bồi thường hay tạm đình chỉ ưu đãi để gây sức ép lên quốc gia vi phạm.

Thứ ba, về chủ thể tham gia, cơ chế thực thi các chương TSD cho phép sự tham gia giám sát của đa dạng các chủ thể và tăng tính minh bạch của quá trình thực hiện cam

kết ở mức độ cao¹⁶. Các FTA thế hệ mới thiết lập các ủy ban, hội đồng, nhóm công tác liên chính phủ để theo dõi việc thực thi các cam kết trong hiệp định. Bên cạnh sự giám sát từ các quan nhà nước, điều khoản TSD còn tạo lập các kênh chính thức để các chủ thể phi Nhà nước như tổ chức quốc tế, tổ chức phi Chính phủ, phi lợi nhuận và công chúng liên quan có thể đóng góp ý kiến vào quá trình giám sát thực thi, giải quyết tranh chấp¹⁷. Đối mới này xuất phát từ nhận thức về tầm ảnh hưởng của FTA đối với hoạt động của doanh nghiệp, người lao động, người dân trong các lĩnh vực cụ thể của đời sống (như môi trường và lao động), từ đó đòi hỏi phải mở rộng sự tham gia của đa dạng các chủ thể trong quá trình thực thi chính sách¹⁸.

2.2. Phân loại cơ chế thực thi cam kết về thương mại và phát triển bền vững

2.2.1. Cơ chế hợp tác và giám sát thực thi

Các chương TSD của các FTA thế hệ mới đã tích hợp cơ chế hợp tác, giám sát thực thi thông qua việc thành lập các cơ quan chuyên môn với nội dung hoạt động cụ thể, chức năng và quyền hạn tương ứng¹⁹. Cơ chế hợp tác thực thi trong các

¹⁴ London School of Economics and Political Science (LSE), *Comparative Analysis of Trade and Sustainable Development Provisions in Free Trade Agreements*, 2022, pp. 18-19.

¹⁵ Katerina Hradilová, Ondrej Svoboda, *Sustainable Development Chapters in the EU Free Trade Agreements: Searching for Effectiveness*, tldd.

¹⁶ Otashiro Mio, Akiyama Kohei, *Developments in the Compliance Mechanisms of Free Trade Agreements: Implications from the Labor and the Environment Chapters in the United States-Mexico-Canada Agreement (USMCA)*, Public Policy Review, N° 4, 2024.

¹⁷ Otashiro Mio, Akiyama Kohei, tldd.

¹⁸ LSE, *Comparative Analysis of Trade and Sustainable Development Provisions in Free Trade Agreements*, tldd, p. 110.

¹⁹ Marva Corley-Coulibaly, Gaia Grasselli and Ira Postolachi, *Implementation of labour provisions under Canadian, European Union and United States trade agreements*, ILO, Integrating trade and decent work: Volume 2 - The potential of trade and

chương về TSD là tổng hợp các hoạt động hướng đến hỗ trợ, thúc đẩy thực thi nội dung cam kết được chủ trì thực hiện bởi các cơ quan trực thuộc Nhà nước. Cơ chế này đóng vai trò là kênh thông tin trung gian giúp đẩy mạnh đối thoại, trao đổi thông tin giữa các quốc gia thành viên, tiếp nhận và phản hồi ý kiến tham vấn từ chuyên gia, công chúng. Lĩnh vực hợp tác cụ thể có thể kể đến như đối thoại giữa cơ quan nhà nước và doanh nghiệp, chia sẻ kinh nghiệm thực thi chính sách về lao động và môi trường, tuyên truyền và nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực.

Cơ chế giám sát được hiểu là các quy định về kiểm tra, đánh giá, theo dõi việc thực thi các cam kết TSD. Trong đó, các cơ quan liên chính phủ bao gồm các đại diện từ Nhà nước đóng vai trò trung tâm trong hoạt động giám sát thực thi. Ngoài ra, sự tham gia của các tổ chức quốc tế và các tổ chức có quyền lợi liên quan như tổ chức phi chính phủ, phi lợi nhuận và cả công chúng cũng được thể hiện tương đối rõ rệt. Chẳng hạn, đối với cam kết về lao động, nghiên cứu của Tổ chức Lao động quốc tế (ILO) năm 2023 chỉ ra năm nhóm cơ chế giám sát bao gồm: (a) Hội đồng hoặc ủy ban cấp bộ trưởng với đại diện quan chức chính phủ của các nước thành viên; (b) Điểm hỏi đáp hoặc điều phối quốc gia, thông thường là một cơ quan nhà nước; (c) Nhóm tư vấn trong nước ở từng quốc gia thành viên bao gồm đại diện của chủ sử dụng lao động và người lao động; (d) Quy trình tham vấn công chúng; và (e) Đề trình của công chúng cho phép công chúng khiếu nại các hành vi vi phạm cam kết²⁰.

investment policies to address labour market issues in supply chains, 2023, pp. 30-32.

²⁰ Marva Corley-Coulibaly, Gaia Grasselli and Ira Postolachi, *Implementation of labour provisions*

Tương tự, đối với cam kết môi trường trong FTA, nghiên cứu của OECD chỉ ra các mô hình hợp tác và giám sát cụ thể²¹. Về hợp tác, các thành viên phối hợp thực hiện cam kết trong khuôn khổ các Hiệp định môi trường đa phương (MEA) thông qua kế hoạch hành động chung, trao đổi thông tin, tham vấn chuyên gia, đồng tổ chức sự kiện, nâng cao năng lực thực thi MEA cho cơ quan nhà nước, thúc đẩy sản xuất hàng hóa, dịch vụ thân thiện môi trường, nâng cao nhận thức công chúng và thiết lập cơ chế gây quỹ. Về giám sát, các hiệp định thường quy định một cơ quan liên Chính phủ thực hiện theo dõi và rà soát định kỳ tác động môi trường với sự hỗ trợ của đầu mối liên lạc tại các quốc gia thành viên, đồng thời khuyến khích sự tham gia của doanh nghiệp, cộng đồng thông qua đề trình, tham vấn và tiếp cận thông tin minh bạch.

2.2.2. Cơ chế giải quyết tranh chấp giữa các quốc gia thành viên

Bên cạnh cơ chế hợp tác, giám sát để thúc đẩy thực thi cam kết, các FTA thế hệ mới còn nâng cấp và thiết kế các quy trình giải quyết tranh chấp tương đối đặc thù cho chương TSD. Thực tiễn xây dựng cơ chế giải quyết tranh chấp trong chương TSD cho thấy hai cách tiếp cận khác nhau trong cách xử lý vi phạm nghĩa vụ: Khuyến khích và thúc đẩy việc thực thi nghĩa vụ thông qua đối thoại, và gây sức ép kinh tế bằng các biện pháp trừng phạt thương mại²².

under Canadian, European Union and United States trade agreements, tldđ, pp. 33-34.

²¹ Clive George, Shunta Yamaguchi, *Assessing Implementation of Environmental Provisions in Regional Trade Agreements*, OECD Trade and Environment Working Papers, số 2018/01, OECD Publishing, 2018.

²² James Harrison, *Labour Standards Provisions in EU Free Trade Agreements: Reflections on the*

Mô hình thứ nhất cho thấy trong các FTA do EU dẫn dắt đàm phán, tranh chấp phát sinh từ chương TSD bắt buộc phải được giải quyết thông qua một thủ tục riêng, với những điểm khác biệt nhất định so với thủ tục giải quyết tranh chấp áp dụng chung cho toàn hiệp định²³. Cụ thể, khi có mâu thuẫn, bất đồng nảy sinh, các bên tranh chấp được yêu cầu thực hiện thủ tục tham vấn. Trường hợp tham vấn không đạt được kết quả, các bên có thể đệ trình tranh chấp lên Ban hội thẩm để đưa ra một bản báo cáo, khuyến nghị giải quyết tranh chấp. Tuy nhiên, điểm khác biệt so với thủ tục giải quyết tranh chấp chung của cả hiệp định là: *Thứ nhất*, báo cáo của Ban hội thẩm không có hiệu lực bắt buộc do các biện pháp trừng phạt thương mại không được phép áp dụng khi bên vi phạm không tuân thủ báo cáo; *Thứ hai*, Ủy ban Thương mại và phát triển bền vững có quyền giám sát việc thi hành báo cáo và các tổ chức có quyền lợi liên quan được phép đóng góp ý kiến và giám sát toàn bộ quy trình giải quyết tranh chấp, từ giai đoạn tham vấn cho đến thi hành báo cáo²⁴.

Mô hình thứ hai cho thấy trong các FTA do Hoa Kỳ dẫn dắt đàm phán, quy trình giải quyết tranh chấp vẫn yêu cầu các bên tham vấn trước khi xét xử bằng Ban hội thẩm. Tuy nhiên, khác với mô hình của EU, quy trình xét xử của Ban hội thẩm thực hiện theo thủ tục chung cho toàn hiệp định²⁵. Hệ

quả pháp lý của việc áp dụng thủ tục chung là trường hợp bên vi phạm không thực hiện phán quyết của Ban hội thẩm, bên bị vi phạm có quyền áp dụng các biện pháp trừng phạt thương mại hoặc tạm đình chỉ các nghĩa vụ, quyền lợi đối với bên vi phạm²⁶. Ngoài ra, Hiệp định thương mại Hoa Kỳ–Mexico–Canada (USMCA) còn bổ sung cơ chế độc đáo duy nhất hiện có là phản ứng nhanh (*Rapid-Response Mechanism*) để đẩy nhanh việc thực hiện nghĩa vụ về lao động đối với trường hợp các nhà máy bị cáo buộc xâm phạm quyền thành lập tổ chức đại diện của công nhân hoặc từ chối thương lượng tập thể²⁷.

3. Cơ chế thực thi cam kết về thương mại và phát triển bền vững trong các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới của Việt Nam

Trong những năm gần đây, Việt Nam đã ký kết nhiều FTA thế hệ mới có cam kết về thương mại và phát triển bền vững, cụ thể là FTA Việt Nam-EAEU, CPTPP, EVFTA và UKVFTA²⁸. Đặc điểm chung của các FTA nêu trên là đều ưu tiên đẩy mạnh các phương thức hợp tác, giám sát và đối thoại trên tinh thần thiện chí nhằm hỗ trợ các bên thực thi tốt nhất các tiêu chuẩn về lao động và môi trường đã thỏa thuận.

3.1. Cơ chế hợp tác và giám sát thực thi

Khuôn khổ pháp lý về hợp tác và giám sát thực thi trong CPTPP và

European Commission's Reform Agenda, World Trade Review, N° 4, 2019, pp. 635-657.

²³ Trade and sustainable development in EU free trade agreements, EU Parliament, p. 3.

²⁴ Gesa Kübek, *Sustainable development chapters in EU FTAs and dispute settlement: lessons learned from Ukraine - Wood Products and Korea - Labour Rights*, Edward Elgar Publishing, 2022, p. 280.

²⁵ Nghị viện Châu Âu, *Trade and sustainable development in EU free trade agreements*, 2023, p. 3.

²⁶ LSE, *Comparative Analysis of Trade and Sustainable Development Provisions in Free Trade Agreements*, tldd, p. 144.

²⁷ LSE, *Comparative Analysis of Trade and Sustainable Development Provisions in Free Trade Agreements*, tldd, p. 133, 134, 144.

²⁸ Xem thêm tại <https://trungtamwto.vn/fta/199-viet-nam---eu-evfta/1>, truy cập ngày 19/8/2025.

EVFTA/UKVFTA đặt ra quy định về chủ thể tham gia với chức năng, quyền hạn tương ứng và các nội dung cụ thể của hoạt động hợp tác và giám sát. Trong cơ chế hợp tác, các đầu mối liên lạc sẽ được thành lập dưới hình thức cá nhân đại diện hoặc một văn phòng trực thuộc cơ quan quản lý nhà nước về lao động và môi trường, thực hiện ba nhiệm vụ chính bao gồm: Một là, kênh trung gian hỗ trợ các quốc gia thành viên trao đổi thông tin với nhau và truyền đạt thông tin đến công chúng phục vụ việc thi hành các cam kết; hai là, báo cáo công tác và hỗ trợ công việc của hội đồng hoặc ủy ban liên Chính phủ; ba là, phối hợp với cơ quan nhà nước và các tổ chức quốc tế, tổ chức khu vực liên quan triển khai các hoạt động hợp tác²⁹. Một số nội dung chính của các lĩnh vực hợp tác có thể kể đến như: Xây dựng nguồn lực thực thi, tăng cường cơ hội việc làm, cải thiện điều kiện làm việc, tuyên truyền các nguyên tắc cốt lõi của ILO, thúc đẩy công tác bảo vệ môi trường, nâng cao trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, cân bằng các chính sách thương mại với bảo tồn tài nguyên thiên nhiên, đa dạng sinh học³⁰. Hiệp định VN-EAEU FTA tuy không yêu cầu thành lập đầu mối liên lạc nhưng đã có điều khoản làm rõ các nội dung hợp tác cụ thể tương tự như CPTPP và EVFTA/UKVFTA³¹. Bảng dưới đây thống kê và so sánh các điều khoản về hợp tác và giám sát thực thi trong bốn FTA của Việt Nam chứa cam kết về thương mại và phát triển bền vững.

Bảng 1. Thống kê điều khoản về hợp tác và giám sát thực thi trong các FTA của Việt Nam³²

Loại điều khoản	CPTPP	EVFTA/UKVFTA	VN-EAEU FTA
Đầu mối liên lạc	✓ (Điều 19.13, 20.19)	✓ (Điều 13.15.1)	×
Lĩnh vực hợp tác	✓ (Điều 19.10, Điều 20.12)	✓ (Điều 13.14)	✓ (Điều 12.5)
Hội đồng hoặc ủy ban liên Chính phủ	✓ (Điều 19.12, 20.19.2)	✓ (Điều 13.15.2)	×
Nhóm tư vấn trong nước	×	✓ (Điều 13.15.4)	×
Sự tham gia của công chúng	✓ (Điều 19.9, Điều 19.14, Điều 20.9)	×	×

²⁹ Điều 19.10, 19.13, 20.12 CPTPP; Điều 13.15.1 EVFTA.

³⁰ Điều 19.10.3, 19.10.6, 20.12 CPTPP; Điều 13.14 EVFTA.

³¹ Điều 12.5 VN-EAEU FTA.

³² Tác giả tự tổng hợp từ văn kiện các hiệp định tại website của Trung tâm WTO thuộc VCCI, <https://trungtamwto.vn/fta>, truy cập ngày 30/8/2025. Ký hiệu: ✓ (Có quy định); × (Không có quy định).

Đối với giám sát thực thi, cả ba hiệp định đều thành lập các hội đồng hoặc ủy ban liên Chính phủ với thành viên là các đại diện cấp cao từ các cơ quan chuyên môn của nước thành viên. Cụ thể, Hội đồng Lao động và Ủy ban Môi trường là hai cơ quan chịu trách nhiệm theo dõi, đánh giá việc thi hành cam kết về lĩnh vực quản lý tương ứng trong khuôn khổ CPTPP, và Ủy ban chuyên môn về Thương mại và Phát triển bền vững là cơ quan thực hiện nhiệm vụ tương đương trong EVFTA³³. Hiệp định VN-EAEU FTA không có quy định về một ủy ban riêng cho lĩnh vực TSD, thay vào đó, Ủy ban Hỗn hợp bao gồm đại diện của mỗi bên sẽ thực hiện chức năng giám sát. Trong trường hợp phát sinh bất đồng liên quan đến các việc thực thi cam kết TSD, các thiết chế liên chính phủ này cũng đóng vai trò hỗ trợ các bên đi đến thỏa thuận³⁴.

Các FTA của Việt Nam ghi nhận một cách rõ ràng cơ chế cho phép công chúng tham gia vào quá trình giám sát thực thi cam kết. CPTPP đã có quy định về nhận đơn thư, ý kiến của công chúng, đồng thời ràng buộc cơ quan nhận đơn phải có trách nhiệm xem xét và phản hồi trong thời hạn hợp lý³⁵. EVFTA và UKVFTA yêu cầu mỗi bên thành lập các nhóm tư vấn trong nước (*Domestic Advisory Group – DAG*) với chức năng và nhiệm vụ chính là tập hợp, trình bày quan điểm và đưa ra khuyến nghị, tư vấn và góp ý đối với việc thực thi Chương TSD lên Ủy ban Thương mại và Phát triển bền vững³⁶. Nhóm DAG là diễn đàn có thành phần bao gồm các tổ chức đại diện cho các nhóm lợi ích liên quan tới kinh

tế, xã hội, và môi trường. Mô hình DAG tạo ra cơ hội đối thoại cho các tổ chức và cá nhân chịu ảnh hưởng trực tiếp từ quá trình thực thi FTA, qua đó tăng cường khả năng giám sát và thúc đẩy tiếng nói của các tổ chức, hiệp hội đại diện cho các ngành nghề trong xã hội³⁷.

3.2. Cơ chế giải quyết tranh chấp

Điểm chung đáng chú ý ở cả bốn FTA của Việt Nam là đều bắt buộc các bên tự dàn xếp tranh chấp bằng các phương thức thiện chí như tham vấn, đối thoại hoặc có sự tham gia của bên thứ ba để xúc tiến thỏa thuận trước khi sử dụng các thiết chế tài phán. Định hướng khuyến khích giải quyết tranh chấp bằng các phương pháp thay thế là hoàn toàn phù hợp với thực tiễn nội dung tranh chấp ngày càng phức tạp và chuyên biệt, đòi hỏi một hệ thống giải quyết tranh chấp linh hoạt, đa tầng và phù hợp với tính chất của từng loại vấn đề³⁸. Tham vấn là thủ tục bắt buộc và là điều kiện để các bên có thể đệ trình tranh chấp lên ban hội thẩm. Nhìn chung, các bên tranh chấp cần thực hiện hai cấp tham vấn, bao gồm tham vấn giữa các bên với nhau và tham vấn với sự can thiệp của bên thứ ba là các ủy ban và hội đồng liên chính phủ khi đàm phán giữa các bên không đạt được kết quả³⁹. Trong cả hai quá trình tham vấn, các bên được khuyến khích sử dụng đến các cơ chế thứ ba không ràng buộc như trung gian, hòa giải hoặc cân nhắc các khuyến nghị từ các tổ

³³ Điều 19.12, 20.19 CPTPP, Điều 13.15.2 EVFTA.

³⁴ Điều 19.15, 20.21 CPTPP, Điều 13.17.3 EVFTA.

³⁵ Điều 19.9, 20.9 CPTPP.

³⁶ Điều 13.15 EVFTA.

³⁷ Axel Marx, Franz Ebert, Nicolas Hachez, *Dispute Settlement for Labour Provisions in EU Free Trade Agreements: Rethinking Current Approaches*, Politics and Governance, N° 4, 2017, p. 51.

³⁸ Kathleen Claussen, *The Future of Trade Agreement Dispute Settlement Provisions*, Cambridge University Press, 2025, pp. 383-384.

³⁹ Điều 19.15.2, 19.15.10 CPTPP; Điều 13.16 EVFTA; Điều 12.6.3 VN-EAEU FTA.

chức quốc tế liên quan như ILO và các tổ chức môi trường đa phương⁴⁰.

Bảng 2. Thống kê điều khoản về giải quyết tranh chấp trong các FTA của Việt Nam⁴¹

Loại điều khoản	CPTPP	EVFTA/ UKFTA	VN- EAEU FTA
Tham vấn	✓ (Điều 19.15, Điều 20.20, 20.21, 20.22)	✓ (Điều 13.16)	✓ (Điều 12.6)
Trung gian và hòa giải	✓ (Điều 19.15.8)	×	×
Quy trình giải quyết tranh chấp riêng biệt	×	✓ (Điều 13.17)	✓ (Điều 12.9)
Chế tài đối với hành vi vi phạm	✓ (Điều 28.20)	×	×

⁴⁰ Điều 19.15.8, 20.20.5 CPTPP; Điều 13.16.3 EVFTA.

⁴¹ Tác giả tự tổng hợp từ văn kiện các hiệp định tại website của Trung tâm WTO thuộc VCCI, <https://trungtamwto.vn/fta>, truy cập ngày 30/8/2025. Ký hiệu: ✓ (Có quy định); × (Không có quy định).

Sự khác biệt cơ bản của hai cơ chế giải quyết tranh chấp theo CPTPP, đại diện cho hướng tiếp cận Hoa kỳ và EVFTA/UKVFTA và VN-EAEU FTA, đại diện cho hướng tiếp cận của EU nằm ở chế tài đối với hành vi vi phạm. Theo CPTPP, tranh chấp phát sinh từ lĩnh vực lao động và môi trường không được giải quyết bằng thủ tục riêng mà áp dụng thủ tục chung trong giải quyết tranh chấp giữa các quốc gia thành viên tại Chương 28. Hệ quả là trường hợp Ban hội thẩm kết luận có hành vi vi phạm và bị đơn không chấm dứt hoặc khắc phục những vi phạm đó, nguyên đơn có quyền yêu cầu bồi thường và trừng phạt thương mại thông qua biện pháp tạm đình chỉ ưu đãi. Việc sử dụng sức ép từ trừng phạt thương mại được cho là giúp tăng khả năng thực thi cam kết từ phía quốc gia có hành vi vi phạm⁴².

Khác với CPTPP, EVFTA/UKVFTA và VN-EUEA FTA quy định các bên phải áp dụng quy trình giải quyết tranh chấp riêng biệt. Theo đó, sau khi các bước tham vấn không đạt được kết quả, các bên có quyền đệ trình tranh chấp lên Ban hội thẩm. Do không áp dụng quy trình chung tại Chương 15, báo cáo của Ban hội thẩm không có tính ràng buộc các bên như trường hợp của CPTPP, thay vào đó, việc thực thi các khuyến nghị trong báo cáo hoàn toàn phụ thuộc vào tinh thần thiện chí của các bên và các chế tài như bồi thường và trả đũa được nêu tại Chương 15 không được phép áp dụng khi một bên không tuân thủ báo cáo. Chính tính thiếu ràng buộc và phụ thuộc hoàn toàn vào ý chí của các bên nên phương

⁴² Billy Melo Araujo, *Labour Provisions in EU and US Mega-regional Trade Agreements*, The International and Comparative Law Quarterly, N° 1, 2018, p. 2,3.

thức giải quyết tranh chấp này của EVFTA được cho là còn hạn chế và kém hiệu quả hơn trong việc thực thi cam kết TSD so với phương thức tạo áp lực bằng trừng phạt thương mại như các FTA của Hoa Kỳ⁴³.

3.3. Đánh giá chung về thực tiễn áp dụng các cơ chế thực thi tại Việt Nam

Với các cơ chế tăng cường hợp tác đa dạng về mặt nội dung và chủ thể tham gia, cùng với các thiết chế giám sát chặt chẽ, CPTPP, EVFTA/UKVFTA và VN-EAEU FTA đã tạo ra những ảnh hưởng tích cực đến thực tiễn hoàn thiện pháp luật Việt Nam và thi hành cam kết TSD. Trong khuôn khổ cơ chế hợp tác của CPTPP, chính sách tăng cường sự tham gia của các tổ chức quốc tế tại Điều 19.10.3 đã tạo ra cơ hội để ILO hỗ trợ Việt Nam đổi mới pháp luật về lao động theo hướng bổ sung quyền tự do thành lập tổ chức đại diện của người lao động và quyền thương lượng tập thể, từ đó tuân thủ tốt hơn các cam kết về lao động trong CPTPP⁴⁴. Đây là ví dụ tiêu biểu cho việc tận dụng hiệu quả nguồn lực thực thi từ các tổ chức quốc tế. Trong khuôn khổ EVFTA và UKVFTA, Việt Nam đã thành lập nhóm tư vấn trong nước bao gồm các hiệp hội, tổ chức phi Chính phủ, phi lợi nhuận của Việt Nam, đại diện cho các lợi ích chính đáng tại Việt Nam liên quan đến thương mại và phát triển bền vững. Nhóm DAG Việt Nam gồm

ba phân nhóm là kinh tế, xã hội và môi trường, đến nay có bảy tổ chức: (1) Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (đại diện giới sử dụng lao động); (2) Viện Công nhân và Công đoàn, trực thuộc Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam; và (3) Trung tâm Phát triển nông thôn bền vững; (4) Hiệp hội chế biến và xuất khẩu thủy sản Việt Nam; (5) Hội nghề cá Việt Nam; (6) Trung tâm Giáo dục thiên nhiên; (7) Hiệp hội Thang máy Việt Nam⁴⁵. Bộ Công Thương Việt Nam và EU đã phối hợp tổ chức một số diễn đàn chung để DAG Việt Nam và DAG EU trao đổi kinh nghiệm về các vấn đề như đảm bảo quyền cho người lao động, bảo vệ rừng, cắt giảm khí thải⁴⁶.

Bên cạnh việc tích cực triển khai các cơ chế hợp tác và giám sát chặt chẽ, Việt Nam vẫn gặp các khó khăn và thách thức trong việc thực thi cam kết TSD, hầu hết xuất phát từ sự hạn chế về nguồn lực và năng lực triển khai. Nguồn nhân lực thực thi, năng lực và kinh nghiệm của đội ngũ cán bộ nhà nước trong việc xử lý các vấn đề thương mại quốc tế có liên quan đến môi trường và lao động chưa đáp ứng được yêu cầu⁴⁷. Các quy định về phát triển bền

⁴³ Gracia Marín Durán, *Sustainable development chapters in EU free trade agreements: Emerging compliance issues*, tldd, p. 17,18.

⁴⁴ Các quyền này của người lao động hiện nay đã được ghi nhận tại Chương V và Chương XIII Bộ luật Lao động năm 2019, có hiệu lực thi hành từ 01/01/2021. Xem thêm tại ILO, *Revised Vietnamese Labour Code to help everyone gain fair shares of economic growth*, 20/11/2019, <https://www.ilo.org/resource/news/revised-vietnamese-labour-code-help-everyone-gain-fair-shares-economic>, truy cập ngày 19/8/2025.

⁴⁵ Bộ Công Thương Việt Nam, *Bổ sung Hiệp hội Thang máy Việt Nam vào danh sách thành viên Nhóm tư vấn trong nước (DAG) Việt Nam trong EVFTA*, 28/5/2022, <https://moit.gov.vn/tin-tuc/thi-truong-nuoc-ngoai/bo-sung-hiep-hoi-thang-may-viet-nam-vao-danh-sach-thanh-vien-nhom-tu-van-trong-nuoc-dag-viet-nam-trong-evfta.html>, truy cập ngày 19/8/2025.

⁴⁶ Lê Hùng, *Diễn đàn chung lần thứ hai EVFTA về Thương mại và Phát triển bền vững*, 20/10/2025, <https://tapchithangmay.vn/dien-dan-chung-lan-thu-hai-evfta-ve-thuong-mai-va-phat-trien-ben-vung/>, truy cập ngày 19/8/2025.

⁴⁷ Vũ Đoàn Kết, *Cam kết về môi trường trong Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – EU (EVFTA)*, *Tạp chí Công nghiệp và Thương mại*, 17/10/2023, <https://vioit.vn/cam-ket-ve-moi-truong-trong-hiep>

vững trong FTA là một lĩnh vực còn tương đối mới mẻ, khiến nhiều cán bộ quản lý nhà nước chưa có cơ hội tiếp cận đầy đủ hoặc xử lý thực tiễn, dẫn đến hạn chế về kinh nghiệm trong giải quyết các vấn đề thương mại quốc tế. Thêm vào đó, các nước đang phát triển như Việt Nam thường gặp khó khăn trong việc đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất, tài chính để triển khai các yêu cầu của cam kết TSD⁴⁸.

4. Một số khuyến nghị cho Việt Nam trong bối cảnh triển khai Nghị quyết số 59/NQ-TW và Nghị quyết số 66/NQ-TW

Với hệ thống 17 FTA, trong đó có bốn FTA thế hệ mới mang các đặc trưng về cơ chế thi hành điều khoản TSD, Việt Nam đang ngày càng tích cực và chủ động hơn trong xây dựng và cải tiến pháp luật quốc tế. Song song với bối cảnh đó, Nghị quyết số 66-NQ/TW đã nhấn mạnh nhiệm vụ nâng cao vai trò, vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế, thông qua định hình trật tự pháp lý quốc tế và tham gia vào xây dựng thể chế và pháp luật quốc tế. Nghị quyết số 59-NQ/TW cũng đề ra yêu cầu về củng cố năng lực thực thi các cam kết, thỏa thuận quốc tế gắn với tăng cường công tác kiểm tra, giám sát thực thi và đẩy mạnh hoàn thiện thể chế, chính sách, pháp luật trong nước⁴⁹. Trên cơ sở kế

thừa các thành tựu đã đạt được từ các FTA hiện hành, các khuyến nghị dưới đây được đề xuất nhằm khắc phục những thách thức từ thực tiễn vận dụng các cơ chế thực thi cam kết TSD trong các FTA thế hệ mới và thể chế hóa đường lối của Đảng.

Thứ nhất, về cơ chế hợp tác, Việt Nam cần tiếp tục tận dụng hiệu quả cơ chế hỗ trợ xây dựng năng lực thực thi đã được quy định rõ trong các FTA. Việc khai thác tối đa các quy định về cơ chế hợp tác trong FTA không chỉ phù hợp với định hướng tại Nghị quyết số 66-NQ/TW về mở rộng hợp tác quốc tế về pháp luật và tư pháp, mà còn là yêu cầu cấp thiết trong bối cảnh năng lực thực thi cam kết TSD của Việt Nam hiện còn hạn chế. Ví dụ với lĩnh vực môi trường, Điều 20.12.1 của CPTPP quy định: “*Các Bên thừa nhận vai trò quan trọng của hợp tác như một cơ chế để thực hiện Chương này và để nâng cao các lợi ích nhằm tăng cường năng lực chung cũng như của từng Bên cho việc bảo vệ môi trường và nhằm thúc đẩy phát triển bền vững khi thúc đẩy quan hệ thương mại và đầu tư*”. Quy định này mở ra cơ hội cho Việt Nam cải tiến năng lực quản lý các vấn đề môi trường thông qua hợp tác cùng các quốc gia thành viên phát triển, có kinh nghiệm hơn trong CPTPP. Một số quốc gia trên thế giới đã tận dụng cơ chế tương tự trong FTA của họ, chẳng hạn như trường hợp Hoa Kỳ hỗ trợ Peru trong khuôn khổ Hiệp định Khuyến khích Thương mại giữa Hoa Kỳ và Peru bằng nhiều hoạt động như cung cấp trang, thiết bị để phát hiện hành vi phá rừng trái phép, tổ chức các chương trình tập huấn năng lực cho cán bộ kiểm lâm⁵⁰.

dinh-thuong-mai-tu-do-viet-nam-euevfta.html, truy cập ngày 19/8/2025; Ngô Thị Lan Hương, *Thực thi hiệu quả các cam kết về lao động trong hiệp định CPTPP, Trung tâm Tham vấn WTO và FTAs*, 12/12/2024, <https://vioit.moit.gov.vn/ftas/du-an-cptpp/lao-dong-va-moi-truong/thuc-thi-hieu-qua-cac-cam-ket-ve-lao-dong-trong-hiep-dinh-cptpp-212.381.html>, truy cập ngày 19/8/2025.

⁴⁸ Gracia Marín Durán, *Sustainable development chapters in EU free trade agreements: Emerging compliance issues*, tldd.

⁴⁹ Võ Hải Thanh, *Kiến toàn chính sách, pháp luật về hội nhập quốc tế nhằm triển khai hiệu quả Nghị quyết số 59-NQ/TW trong tình hình mới*, Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam, 28/05/2025,

<https://vass.gov.vn/tin-tuc/huong-toi-dai-hoi-dang-lan-thu-xiv/ki-en-toan-chinh-sach-phap-luat-ve-hoi-nhap-quoc-te-d-81-t9521.html>, truy cập 19/8/2025.

⁵⁰ Văn phòng Đại diện Thương mại Hoa Kỳ, *Combatting Illegal Timber Trade in Peru: Views*

Thứ hai, Việt Nam cần nâng cao hiệu quả hoạt động của DAG nhằm tăng cường cơ chế giám sát thực thi của công chúng. Hiện nay, khảo sát một số FTA hiện hành của EU cho thấy hoạt động đối thoại giữa Chính phủ và các tổ chức thuộc DAG là thiếu hiệu quả. Nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ sự hạn chế về nguồn lực và cơ hội tiếp cận thông tin, làm suy giảm đáng kể vai trò giám sát mà DAG được kỳ vọng thực hiện⁵¹. Để khắc phục tình trạng này, Chính phủ Việt Nam có thể tăng cường kết nối DAG với các dự án thực thi các tiêu chuẩn quốc tế về lao động, môi trường và đảm bảo ý kiến của DAG được phản hồi chính thức bởi các cơ quan chức năng theo một trình tự, thủ tục rõ ràng⁵². Ngoài ra, Việt Nam có thể tạo điều kiện để các thành viên DAG nâng cao trình độ chuyên môn, chia sẻ kinh nghiệm thực tiễn thông qua mô hình cuộc họp được tổ chức hàng năm giữa giữa tất cả các DAG thuộc khuôn khổ các FTA của EU trên thế giới (All DAGs Meeting)⁵³.

from Ucayali, <https://ustr.gov/about-us/policy-offices/press-office/blog/2016/may/combating-illegal-timber-trade-views-from-ucayali-peru>, truy cập ngày 19/8/2025.

⁵¹ London School of Economics and Political Science, *Comparative Analysis of Trade and Sustainable Development Provisions in Free Trade Agreements*, tldđ, p. 32.

⁵² European Commission, *Non-paper: Strengthening and Improving the Functioning of EU Trade Domestic Advisory Groups*, 10/2021, https://www.eesc.europa.eu/sites/default/files/files/non-paper_of_the_eu_dags_strengthening_domestic_advisory_groups_oct2021_002.pdf, truy cập ngày 19/8/2025, p. 4,7.

⁵³ Ủy ban Kinh tế và Xã hội châu Âu, *2024 All DAGs Meeting*, 18/4/2024, <https://www.eesc.europa.eu/en/agenda/our-events/events/2024-all-dags-meeting>, truy cập ngày 19/8/2025.

Thứ ba, các cơ quan chuyên môn quản lý nhà nước về lao động và môi trường của Việt Nam cần tích cực bồi dưỡng, đào tạo nguồn nhân lực tham gia vào quá trình tham vấn, hòa giải và xử lý các khiếu nại, tranh chấp phát sinh. Trong bối cảnh Nghị quyết số 66-NQ/TW đặt ra nhiệm vụ xây dựng chiến lược tăng cường sự hiện diện của các chuyên gia Việt Nam trong các tổ chức pháp lý quốc tế và cơ quan tài phán quốc tế, Việt Nam cần đẩy mạnh hoạt động đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn và kỹ năng cho đội ngũ cán bộ, các đại diện cấp cao của Chính phủ là thành viên của các ủy ban, hội đồng liên chính phủ phục vụ cho quá trình thương lượng các vấn đề về lao động và môi trường, và từ đó làm cơ sở để đề cử các cá nhân có trình độ và kinh nghiệm phù hợp tham gia vào cơ quan giải quyết tranh chấp như ban hội thẩm.

5. Kết luận

Bên cạnh việc tích hợp các cam kết sâu rộng về thương mại và phát triển bền vững, các FTA thế hệ mới của Việt Nam còn xây dựng hệ thống các cơ chế hợp tác, giám sát và giải quyết tranh chấp đặc thù cho những lĩnh vực này. Trong thời gian vừa qua, các cơ chế thực thi trên đã mang lại một số kết quả tích cực, song thách thức lớn nhất vẫn nằm ở hạn chế về năng lực triển khai. Để hiện thực hóa những nhiệm vụ và giải pháp trong Nghị quyết số 59-NQ/TW và Nghị quyết số 66-NQ/TW về nâng cao vị thế của Việt Nam trong xây dựng và thi hành pháp luật quốc tế, Chính phủ Việt Nam cần tiếp tục tận dụng hiệu quả các cơ chế hợp tác, giám sát hiện hành, và tích cực đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực có chất lượng cao tham gia vào quá trình thực thi, giải quyết tranh chấp phát sinh.